

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình:	QUẢN LÝ KINH TẾ. Economic Management.
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ.
Ngành đào tạo:	Quản lý kinh tế.
Mã số:	8340410.
Định hướng đào tạo:	Ứng dụng.
Khối lượng kiến thức:	61 tín chỉ.
Thời gian đào tạo:	2 năm đối với hình thức toàn thời gian, 2,5 năm đối với hình thức bán thời gian.
Khoa/Viện đào tạo:	Kinh tế.
Quyết định ban hành:	Số 1139/QĐ-ĐHNT ngày 24/9/ 2018.

I. Giới thiệu chương trình

Chương trình trang bị những kiến thức nâng cao về lĩnh vực quản lý kinh tế nhằm tăng cường năng lực quản lý, lãnh đạo cho cán bộ công chức trong các cơ quan quản lý khu vực công và các khu vực kinh tế khác trong giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạch định chính sách, định hướng chiến lược phát triển, quản lý kinh tế ở các cấp độ và khu vực khác nhau.

II. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế nhằm trang bị cho người học đầy đủ những kiến thức nâng cao về lĩnh vực quản lý kinh tế nhằm giải quyết các vấn đề về hoạch định chính sách, định hướng chiến lược phát triển, quản lý kinh tế ở các cấp độ và khu vực khác nhau trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

III. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, học viên có khả năng:

1. Nắm vững những kiến thức cần thiết về quản lý kinh tế trong khu vực công và các khu vực khác của nền kinh tế.
2. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý kinh tế đối với khu vực công và các khu vực kinh tế khác như: thiết kế chính sách, thể chế, quản lý công, tài chính công,...
3. Phân tích và dự báo chính sách phục vụ khu vực công và các khu vực kinh tế khác.
4. Vận dụng lý thuyết kinh tế và quản lý hiện đại để phân tích các vấn đề thực tiễn trong các khu vực của nền kinh tế, đặc biệt là khu vực công.

IV. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

1. Cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, bộ, ngành và địa phương.
2. Nhà quản lý kinh tế tại các tổ chức, doanh nghiệp.
3. Các chuyên gia tư vấn thực thi chính sách cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý.

V. Đối tượng tuyển sinh và các môn thi tuyển

1. Điều kiện về văn bằng đại học và thâm niên công tác chuyên môn

TT.	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Hạng tốt nghiệp	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Thâm niên công tác
1	Ngành đúng, phù hợp	Chính quy, vừa làm vừa học	Trung bình trở lên	không	0
	(1) Nhóm ngành kinh tế, quản lý (Kinh tế học, kinh tế phát triển, quản lý kinh tế, quản lý công,....) (2) Nhóm ngành quản trị (Quản trị kinh doanh, quản trị dịch vụ,...)				
2	Ngành gần	Chính quy, vừa làm vừa học	Trung bình trở lên	có	1
	(1) Tài chính – Ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp, tài chính công,...). (2) Kế toán – Kiểm toán (Kế toán doanh nghiệp, Kế toán hành chính sự nghiệp,...). (3) Hệ thống thông tin quản lý, Thống kê, Toán kinh tế,...				
3	Ngành khác	Chính quy, vừa làm vừa học	Trung bình trở lên	có	2
	(1) Các ngành thuộc khối khoa học kỹ thuật và công nghệ. (2) Các ngành thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn.				

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

Tùy theo chương trình học ghi trong bảng điểm, học viên thuộc đối tượng ngành gần có bằng đại học phải học bổ túc các học phần sau đây:

TT.	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	BUA325	Quản trị học	2(2-0)
2	ECS332	Kinh tế lượng	2(2-0)

Tùy theo chương trình học ghi trong bảng điểm, học viên thuộc đối tượng ngành còn lại có bằng đại học phải học bổ túc các học phần sau đây:

TT.	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	ECS329	Kinh tế vi mô	2(2-0)
2	ECS330	Kinh tế vĩ mô	2(2-0)
3	ECS331	Nguyên lý thống kê kinh tế	2(2-0)
4	BUA325	Quản trị học	2(2-0)
5	ECS332	Kinh tế lượng	2(2-0)
6	ECS335	Marketing căn bản	2(2-0)

3. Các môn thi tuyển

TT.	Môn thi
1	Toán
2	Kinh tế học
3	Ngoại ngữ

VI. Cấu trúc chương trình

TT.	Nội dung	Số học phần	Số tín chỉ
1	Kiến thức chung - Bắt buộc - Tự chọn	4 2 2	10 8 2
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành - Bắt buộc - Tự chọn	17 12 5	36 26 10
3	Luận văn thạc sĩ	1	15
	Tổng	22	61

VII. Nội dung chương trình

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng CDR	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức chung		10		
1.1. Các học phần bắt buộc		8		
POS502	Triết học/ <i>Philosophy</i>	4(4-0)	1,2,3,4	
FLS501	Tiếng Anh/ <i>English</i>	4(4-0)	1,2,3,4	
1.2. Các học phần tự chọn		2		
BUA521	Khoa học quản lý/ <i>Scientific Management</i>	2(2-0)	1,2	
ECM507	Luật hành chính nhà nước/ <i>State Administrative Law</i>	2(2-0)	1,2	

2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		36		
2.1. Các học phần bắt buộc		24		
ECS520	Kinh tế học quản lý/ <i>Managerial Economics</i>	2(2-0)	1,4	
ECS506	Kinh tế vĩ mô nâng cao/ <i>Advanced Macroeconomics</i>	2(2-0)	1,3	
ECS521	Kinh tế học thể chế/ <i>Institutional Economics</i>	2(2-0)	1	
ECM506	Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực/ <i>Human Resource Economics and Management</i>	2(2-0)	2	ECS506
BUA510	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý / <i>Research Methods for Management</i>	3(2-1)	2,4	EC541
BUA508	Lãnh đạo trong khu vực công/ <i>Public Sector Leadership</i>	2(2-0)	2	
ECS514	Chiến lược phát triển vùng và địa phương/ <i>Strategies for Local and Regional Development</i>	2(2-0)	2,3,4	ECS506
ECS522	Chính sách phát triển kinh tế/ <i>The Policy for economic development</i>	2(2-0)	2,3,4	ECS506
ECM508	Quản lý nhà nước về kinh tế/ <i>State management for economic</i>	3(2-1)	2,4	ECS520,E CS506
ECS523	Phân tích và dự báo kinh tế/ <i>Analyzing and forecasting economic</i>	2(1,5-0,5)	3	ECS506
FIB506	Tài chính công/ <i>Public finance</i>	2(2-0)	1,2	
2.2. Các học phần tự chọn		12		
ECM509	Quản lý xã hội/ <i>Social Management</i>	2 (2-0)	1	
ECM510	Văn hóa công sở/ <i>Office culture</i>	2(2-0)	1	
ECS504	Kinh tế công cộng/ <i>Public economics</i>	2(2-0)	1,2	
ECS524	Phân tích và đánh giá lợi ích chi phí/ <i>Analyze and evaluate the Benefits – Costs</i>	2(2-0)	1,4	
ECM512	Quản lý chất lượng dịch vụ công/ <i>Public Service Quality Management</i>	2(2-0)	2,4	
TRE502	Chính sách kinh tế đối ngoại/ <i>Foreign economic policy</i>	2(2-0)	1,2	
ECS525	Kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường / <i>Natural Resource and Environmental Economics</i>	2(2-0)	1,4	
ECM513	Kinh tế nông nghiệp/ <i>Agricultural Economics</i>	2(2-0)	3,4	ECS520, ECS521
ECM511	Kinh tế và quản lý công nghiệp/ <i>Economics and Industrial Management</i>	2(2-0)	3,4	ECS520,E CS506
ECS513	Phân tích hiệu quả và năng suất/ <i>Efficiency and Productivity Analysis</i>	2(2-0)	1,4	ECS506

TOM501	Kinh tế du lịch/ <i>Tourism Economics</i>	2(2-0)	3,4	ECS520,E CS506
MAR503	Marketing địa phương/ <i>Marketing Places</i>	2(2-0)	2,3,4	
3. Luận văn		15		
EMC601	Luận văn thạc sĩ / <i>Master Thesis</i>	15	1,2,3,4	
Tổng cộng		61		

2. Mô tả các học phần

POS502 Triết học 4(4-0)

Học phần khái quát ba vấn đề cơ bản: *Thứ nhất*, Khái luận về triết học nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học. *Thứ hai*, Những nội dung cơ bản thuộc về thể giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn được thể hiện trong bản thể luận, phép biện chứng và nhận thức luận. *Thứ ba*, những nội dung lý luận triết học về xã hội và con người được thể hiện trong học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, triết học chính trị, ý thức xã hội và triết học về con người.

BUA521 Khoa học quản lý 2(2-0)

Học phần đề cập hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý trong thế kỷ XXI; các quan điểm tiếp cận mới đối với các chức năng quản lý: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.

ECM507 Luật hành chính nhà nước 2(2-0)

Học phần luật hành chính nhà nước là môn khoa học pháp lý chuyên ngành. Sự phát triển của khoa học luật hành chính liên quan chặt chẽ với quá trình hình thành và phát triển của bộ máy nhà nước cùng sự hình thành và phát triển của hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

ECS520 Kinh tế học quản lý 2(2-0)

Là học phần lý thuyết kinh tế ứng dụng và nâng cao, nhằm cung cấp cho học viên cao học ngành Quản lý kinh tế những kiến thức về: (i) Lý thuyết sản xuất và tiêu dùng trong thị trường cạnh tranh, thị trường độc quyền; (ii) Xem xét các quyết định kinh doanh thông qua phân tích lý thuyết trò chơi; (iii) Lý thuyết và phương pháp phân tích hiệu quả và cân bằng; (iv) Lý thuyết về những biên dạng của thị trường như thông tin bất cân xứng, hàng hóa công; (v) Vận dụng các lý thuyết kinh tế để giải quyết các vấn đề của thực tiễn trong quản lý kinh tế cũng như làm nền tảng cho các môn học khác.

ECS506 Kinh tế vĩ mô nâng cao 2(2-0)

Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về kinh tế vĩ mô bao gồm: phương pháp hạch toán thu nhập quốc dân; tăng trưởng kinh tế; tỷ giá hối đoái và các chính sách kinh tế vĩ mô trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập.

ECS521 Kinh tế học thể chế 2(2-0)

Học phần cung cấp kiến thức về vai trò các thể chế đối với nền kinh tế, một đất nước, các khái niệm cơ bản về kinh tế học, thể chế, trật tự và chính sách, hành vi và các giá trị cơ bản của con người trong xã hội, các quy tắc, các hệ thống thể chế và trật tự xã hội, giải thích nền tảng thể chế của nền kinh tế thị trường, động lực cạnh tranh, các tổ chức kinh tế, chính sách công, vai trò của các yếu tố quốc tế, sự tiến hoá của các thể chế, các hệ thống kinh tế khác nhau và sự chuyển đổi hệ thống, cải cách các nền kinh tế hỗn hợp.

- ECM506 Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực 2(2-0)**
 Học phần trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về kinh tế và quản lý nguồn nhân lực. Học phần nghiên cứu vận dụng những học thuyết kinh tế vào lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực: nghiên cứu các chỉ số phát triển con người, vấn đề thất nghiệp và các giải pháp tạo việc làm, thu hút nhân lực chất lượng cao của quốc gia và địa phương; vấn đề phân công và hiệp tác lao động nhằm nâng cao năng suất lao động; vấn đề đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của địa phương; xây dựng hệ thống đo lường đánh giá kết quả công việc và đánh giá con người.
- BUA510 Phương pháp nghiên cứu trong quản lý 3(2-1)**
 Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết để chuẩn bị và thực hiện một nghiên cứu cụ thể, nội dung chính bao gồm: các xác định vấn đề nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu; lựa chọn khung phân tích và thiết kế nghiên cứu; thiết kế mẫu và thu thập thông tin; phân tích số liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu.
- BUA508 Lãnh đạo trong khu vực công 2(2-0)**
 Học phần này trang bị cho người học các lý thuyết lãnh đạo hiện đại trong điều kiện toàn cầu hóa, bùng nổ tri thức, thay đổi rất nhanh: phát triển tầm nhìn chiến lược, những chiến lược và các năng lực lãnh đạo, thực hiện và quản lý sự thay đổi.
- ECS514 Chiến lược phát triển vùng và địa phương 2 TC (2-0)**
 Trong môn học này, học viên sẽ làm quen với các khái niệm cơ bản và khung phân tích của Kinh tế học vi mô về năng lực cạnh tranh, công cụ phân tích “mô hình kim cương,” và khái niệm then chốt – cụm ngành kinh tế (economic cluster), cách thức một quốc gia “nâng cấp” nền kinh tế của mình. Đồng thời, học viên sẽ được tiếp cận với một loạt các nghiên cứu tình huống về chiến lược kinh tế với các phạm vi khác nhau (cộng đồng kinh tế, quốc gia, và chính quyền địa phương các cấp) và cho các loại nền kinh tế khác nhau ứng với các trình độ phát triển khác nhau (tiên tiến, đang phát triển, và chuyển đổi), trên cơ sở đó thảo luận chuyên sâu về các khía cạnh khác nhau của năng lực cạnh tranh của Việt Nam, thực hành xây dựng một dự án nhóm.
- ECS522 Chính sách phát triển kinh tế 2 TC (2-0)**
 Cung cấp những lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về phát triển kinh tế, vận dụng các lý thuyết vào thực tiễn trong quá trình hoạch định các chính sách phát triển như: (i) các vấn đề chung về chính sách phát triển; (ii) Chính sách dân số, di cư, giáo dục và y tế, (iii) các chính sách giảm nghèo, bất bình đẳng, (iv) chính sách phát triển công nghiệp và vấn đề đô thị hóa; (v) Chính sách phát triển nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp; (vi) Chính sách ngoại thương cho tăng trưởng; (vii) Chính sách quản lý nợ và viện trợ nước ngoài và (viii) Chính sách quản lý kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở. Ngoài ra môn học còn nghiên cứu sự vận dụng các vấn đề này trong phân tích và đánh giá các chính sách phát triển tại Việt Nam.
- ECM506 Quản lý nhà nước về kinh tế 3(3-0)**
 Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản lý nhà nước về kinh tế, bao gồm: 1/ Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; 2/ Nội dung các chức năng của quản lý nhà nước về kinh tế; 3/ Các phương pháp và các công cụ của quản lý nhà nước về kinh tế; 4/ Nhà nước kiến tạo phát triển và đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam.

- ECS523 Phân tích và dự báo kinh tế** **2 TC (2-0)**
 Học phần trang bị cho người học những kiến thức căn bản và nâng cao về phân tích và dự báo trong kinh tế, các mô hình dự báo định tính và định lượng phổ biến nhất như: phương pháp chuyên gia, phương pháp kịch bản, phương pháp cây quyết định, phương pháp hồi qui, phương pháp chuỗi thời gian và mô hình cân đối liên ngành; nhằm giúp người học vận dụng các mô hình dự báo để phân tích và dự báo trong lĩnh vực kinh tế.
- ECM512 Quản lý chất lượng dịch vụ công** **2(2-0)**
 Học phần trang bị cho người học kiến thức một cách hệ thống về các phương pháp tiếp cận lý luận và thực tiễn trong quản lý chất lượng dịch vụ công, bao gồm: các lý thuyết hiện đại quản lý chất lượng công, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 và ISO 1400, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất lượng công, các phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ công,...
- ECS527 Quản lý tài chính công** **2(2-0)**
 Học phần này tập trung nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); Các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; Ngoại tác; Phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng hóa công, phân tích lợi ích và chi phí.
- ECM509 Quản lý xã hội** **2(2-0)**
 Cung cấp cho học viên những vấn đề Quản lý xã hội và quản lý xã hội, trước hết người học cần nắm được những vấn đề chung về xã hội và quản lý xã hội, chủ thể khách thể và bộ máy quản lý xã hội; các nguyên tắc và phương pháp quản lý xã hội; biến đổi xã hội, một số học thuyết về biến đổi xã hội, các nhân tố tác động đến sự biến đổi xã hội, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; các nguyên tắc, phương pháp quản lý xã hội của nhà nước; hiệu quả quản lý xã hội của nhà nước; nhân tài xã hội và đổi mới quản lý xã hội, các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu trong quản lý xã hội.
- ECM510 Văn hóa công sở** **2(2-0)**
 Là học phần cung cấp cho học viên cao học ngành quản lý kinh tế những kiến thức về: (i) Môi trường công sở; (ii) Văn hóa tổ chức hành chính nhà nước; (iii) Phong cách làm việc của công chức và đạo đức công vụ; (iv) Giao tiếp văn hóa công sở; (v) Xây dựng văn hóa công sở; đồng thời vận dụng các lý thuyết để giải quyết các vấn đề của thực tiễn hành chính công sở.
- ECS524 Phân tích và đánh giá lợi ích chi phí** **2 TC (2-0)**
 Là học phần lý thuyết kinh tế nâng cao, nhằm cung cấp cho học viên cao học ngành kinh tế những kiến thức về: (i) các phương pháp nhận dạng và đánh giá các chi phí và lợi ích trong điều kiện thị trường cạnh tranh, thị trường bị biến dạng; (ii) Ước lượng giá ẩn hay giá kinh tế của các lợi ích và chi phí phục vụ cho quá trình phân tích và lựa chọn dự án; (iii) các chỉ tiêu để lựa chọn dự án kinh tế, đặc biệt là các dự án phục vụ phát triển cộng đồng, xã hội; (v) Vận dụng các lý thuyết và công cụ CBA để giải quyết các vấn đề của thực tiễn trong các hoạt động đầu tư công, các dự án phát triển cộng đồng.
- ECS504 Kinh tế công cộng** **2(2-0)**
 Môn học Kinh tế học công cộng nghiên cứu về vai trò, nhiệm vụ và chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế. Đồng thời, môn học cũng nghiên cứu cách thức cả phương pháp, cũng như nguyên tắc hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế thị trường có nhiều thành phần sở hữu.

- TRE502 Chính sách kinh tế đối ngoại** **2 TC (2-0)**
- Môn học trang bị kiến thức cơ bản về quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hình thành nên các luồng lưu chuyển hàng hóa, tiền tệ, sức lao động giữa các quốc gia, từ đó tập trung vào các vấn đề như ngoại thương Việt Nam, thị trường ngoại hối, đầu tư quốc tế tại Việt Nam và việc hội nhập của Việt Nam vào các tổ chức, liên minh kinh tế, tài chính quốc tế.
- ECS525 Kinh tế và Quản lý tài nguyên môi trường** **2(2-0)**
- Là học phần lý thuyết kinh tế cung cấp cho học viên cao học ngành kinh tế những kiến thức nâng cao về: (i) Lý thuyết về phát triển bền vững; (ii) Lý thuyết về việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên (tái tạo và không tái tạo); (iii) Các phương pháp đánh giá về giá trị môi trường và tài nguyên thiên nhiên, (iv) các phương pháp kinh tế dùng để phân tích các vấn đề môi trường dựa trên quan điểm hiệu quả và những công cụ kinh tế chủ yếu trong quản lý môi trường như: thuế, trợ cấp....nhằm giúp người học hình thành năng lực và tư duy phân tích cho các chính sách phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường hiện nay.
- ECM513 Kinh tế nông nghiệp** **2(2-0)**
- Học phần mô tả hàm sản xuất trong nông nghiệp, cung cầu và ước lượng cung cầu sản phẩm nông nghiệp; marketing sản phẩm nông nghiệp và thị trường các sản phẩm nông nghiệp.
- ECM511 Kinh tế và quản lý công nghiệp** **2(2-0)**
- Kinh tế và quản lý công nghiệp là học phần kinh tế ngành nghiên cứu các nguyên lý cơ bản về phát triển công nghiệp, tổ chức và quản lý hệ thống công nghiệp. Đặt tổ chức và quản lý công nghiệp trong mối quan hệ hữu cơ với tổ chức và quản lý hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất. Học phần kinh tế và quản lý công nghiệp này lựa chọn những nội dung cơ bản phù hợp với yêu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế. Đó là: 1/ Vai trò của công nghiệp trong hệ thống kinh tế quốc dân; 2/ Chiến lược phát triển công nghiệp và cơ cấu công nghiệp; 3/ Tổ chức hệ thống công nghiệp; 4/ Quản lý hệ thống công nghiệp.
- ECS513 Phân tích hiệu quả và năng suất** **2 TC (2-0)**
- Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về phương pháp đo lường hiệu quả và năng suất của các đơn vị ra quyết định (cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, ngành và vùng); các mô hình ước lượng hiệu quả và năng suất theo các cách tiếp cận tham số và phi tham số; ý nghĩa đối với các đơn vị ra quyết định trong việc nâng cao hiệu quả và năng suất; sử dụng các phần mềm chuyên dụng để phân tích và tính toán hiệu quả và năng suất.
- TOM501 Kinh tế du lịch** **2(2-0)**
- Học phần có mục tiêu trang bị cho người học các kiến thức liên quan đến kinh tế du lịch; các xu hướng trong du lịch, điều kiện để phát triển du lịch, cơ sở vật chất và kỹ thuật trong du lịch, lao động trong du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, quy hoạch phát triển du lịch và tổ chức quản lý ngành du lịch. Nhằm giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng để giải thích được quan hệ cung - cầu, các tác động, xu hướng trong du lịch từ đó có khả năng vận dụng trong quản lý phát triển ngành du lịch địa phương hoặc doanh nghiệp.

ECS526 Marketing địa phương**2(2-0)**

Học phần đề cập hệ thống tri thức liên quan tới sử dụng ý tưởng marketing để xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển cho địa phương, cách tiếp cận với các đối tượng mục tiêu cần thiết cho phát triển kinh tế địa phương như nhà đầu tư, du khách, lao động có tay nghề và các thị trường xuất khẩu tiềm năng, vì vậy học phần bao gồm các nội dung về các công cụ để tiếp thị địa phương, quy trình tiếp thị địa phương, tổ chức tiếp thị địa phương.

EM601 Luận văn thạc sĩ**15(0-15)**

Luận văn thạc sĩ là một công trình khoa học có tính hệ thống và hoàn chỉnh do học viên độc lập thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của giảng viên.

Đề tài luận văn thạc sĩ là một chuyên đề khoa học hoặc quản lý cụ thể do Trường giao hoặc do học viên tự đề xuất, được người hướng dẫn đồng ý.

Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính học viên, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào khác.

3. Đề cương các học phần (kèm theo chương trình này)**4. Các hướng nghiên cứu chính/chủ đề chính của đề tài luận văn thạc sĩ**

TT.	Các hướng nghiên cứu chính/chủ đề chính
1.	Chính sách phát triển kinh tế ngành/địa phương
2.	Chiến lược cạnh tranh của ngành/địa phương
3.	Phân tích/đánh giá chính sách
4.	Phân tích/đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính/công
5.	Quản lý thu/chi ngân sách nhà nước
6.	Quản lý dự án, thuế, đất đai, sản phẩm và dịch vụ công
7.	Quản lý nhà nước đối với các hoạt động ngành kinh tế (ví dụ: quản lý thị trường, an toàn vệ sinh thực phẩm,...)
8.	Phân tích/đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước
9.	Quản lý nguồn nhân lực trong ngành/địa phương

VIII. Tổ chức đào tạo; phương pháp dạy học; kiểm tra, đánh giá; và điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nha Trang.